

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2020

*“V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lê Hoàng Vũ**

2- Bà **Hà Thị Lệ Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2020 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Xuân D**, sinh năm 1970. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thúy P**, sinh năm 1983.

(Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng)

Cùng địa chỉ: Tổ 6 ấp V T, xã V H, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Xuân D trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh D và chị Phạm Thúy P tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V H, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 02/7/2012. Quá trình chung sống được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân thời gian gần đây tính tình của chị P thay đổi, thường hay cãi vã vô cớ, nhiều lần anh

bắt gặp chị P trò chuyện với người khác trên facebook, anh có nhắc nhở nhưng chị P không sửa đổi. Đến ngày 18/9/2018 âm lịch, chị P dẫn theo con tên Nguyễn Xuân T bỏ nhà đi cho đến nay không trở về. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh D và chị P có 02 người con chung tên Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 01/02/2008, giới tính nam và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 17/4/2011, giới tính nam (anh D đang nuôi dưỡng Xuân Đ; chị P đang nuôi dưỡng Xuân T). Khi ly hôn anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Xuân Đ, đồng ý giao Xuân T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị P không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phạm Thúy P xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị P có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân D tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V H , huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 02/7/2012. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Do anh D xua đuổi nên cuối năm 2018 chị dẫn theo Nguyễn Xuân T bỏ đi cho đến nay. Chị và anh D không thể hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 người con chung như anh D trình bày. Nguyễn Xuân Đ đang sống với anh D, còn Nguyễn Xuân T đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Xuân T, đồng ý để anh D trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Xuân Đ. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Xuân D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị Phạm Thúy P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thúy P vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử. Xét thấy việc chị P xin được vắng mặt là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và chị P cũng đã trình bày ý kiến của mình về nội D giải quyết vụ việc nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thúy P.

[3] Về nội D vụ án:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân D và chị Phạm Thúy P đều thống nhất xác nhận hai người xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V H , huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/7/2012.

Theo lời trình bày của các bên thì trong quá trình chung sống giữa anh D và chị P thường xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2018 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai và theo yêu cầu ly hôn của anh D thì chị P đồng ý nhưng do chị P không trực tiếp đến tham gia hòa giải với anh D nên Tòa án không thể công nhận sự thuận ly hôn giữa các đương sự mà ghi nhận ý kiến của các bên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Qua ý kiến trình bày của anh D và chị P thì về quan hệ hôn nhân cho thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa anh D và chị P đã trầm T, mục đích hôn nhân không đạt được, ghi nhận ý kiến của các đương sự về đồng ý tự nguyện ly hôn với nhau. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh D ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh D và chị P thống nhất giao con chung tên Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 01/02/2008, giới tính nam cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giao Nguyễn Xuân T, sinh ngày 17/4/2011, giới tính nam cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại bản trình bày ý kiến cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với cha (anh D), cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ (chị P). Vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh D và chị P. Giao Nguyễn Xuân Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao Nguyễn Xuân T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D và chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Anh D và chị P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị P xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003177 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Xuân D được ly hôn với chị Phạm Thúy P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 01/02/2008, giới tính nam cho anh Nguyễn Xuân D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 17/4/2011, giới tính nam cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D và chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Anh D và chị P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị P không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003177 ngày 02/01/2020 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy anh D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh Nguyễn Xuân D có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/5/2020). Đối với Phạm Thúy P vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã V H ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh